

Họ và tên:

Lớp:

Toán 2 – Bài 3: các thành phần của phép cộng, phép trừ

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Trong phép tính $94 + 2 = 96$, 96 còn được gọi là gì?

- A. Số hạng B. Hiệu C. Tổng D. Số bị trừ

Câu 2. Trong phép tính $79 - 39 = 40$, 79 còn được gọi là gì?

- A. Tổng B. Hiệu C. Số trừ D. Số bị trừ

Câu 3. Trong phép tính $34 - 12 = 22$, 22 còn được gọi là gì?

- A. Số trừ B. Tổng C. Hiệu D. Số hạng

Câu 4. Tổng của $74 + 4$ là:

- A. 70 B. 78 C. 76 D. 77

Câu 5. Hiệu của $76 - 16$ là:

- A. 60 B. 61 C. 92 D. 62

Câu 6. Hiệu của 78 và số nhỏ nhất có 2 chữ số giống nhau là:

- A. 68 B. 67 C. 66 D. 69

Phần II. Tự luận

Bài 1. Trong một phép trừ, hãy gọi tên các thành phần được chỉ định:

- a) Trong phép tính $46 - 8 = 38$, số 8 được gọi là:
b) Trong phép tính $44 - 0 = 44$, số 44 được gọi là:
c) Trong phép tính $62 - 1 = 61$, số 62 được gọi là:
d) Trong phép tính $37 - 2 = 35$, số 35 được gọi là:

Bài 2. Điền số thích hợp vào ô trống:

a)

Số hạng	Số hạng	Tổng
30		60

b)

Số hạng	Số hạng	Tổng
26		39

c)	Số hạng	Số hạng	Tổng
		20	22

d)	Số hạng	Số hạng	Tổng
		26	38

Bài 3. Điền số thích hợp vào ô trống:

a)	Số bị trừ	Số trừ	Hiệu
		90	1

b)	Số bị trừ	Số trừ	Hiệu
	98	75	

c)	Số bị trừ	Số trừ	Hiệu
		73	1

d)	Số bị trừ	Số trừ	Hiệu
	88	38	

Bài 4. Trong một phép cộng, hãy gọi tên các thành phần được chỉ định:

a) Trong phép tính $25 + 20 = 45$, số 20 được gọi là:

b) Trong phép tính $89 + 0 = 89$, số 89 được gọi là:

c) Trong phép tính $43 + 18 = 61$, số 61 được gọi là:

d) Trong phép tính $6 + 86 = 92$, số 6 được gọi là:

Bài 5. Điền số thích hợp vào ô trống:

a) $14 - \dots = 5$ b) $11 - \dots = 5$

c) $14 - \dots = 7$ d) $12 - \dots = 5$

Bài 6. Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào chỗ trống:

a) $77 - 56 \dots 65 - 44$

b) $75 - 42 \dots 22$

c) $45 - 31 \dots 14$

d) $78 - 15 \dots 47 - 30$

Bài 7: Viết các số sau thành tổng

$93 = \dots + \dots$

$16 = \dots + \dots$

$75 = \dots + \dots$

$43 = \dots + \dots$